

QUYẾT ĐỊNH

V/v: **Phê duyệt kết quả chỉ định thầu và nội dung hợp đồng:
Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2 tại
Nhà máy thủy điện Hủa Na.**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-HHC-HĐQT ngày 29/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh và vốn vay của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-HHC-HĐQT ngày 15/02/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-HHC ngày 19/03/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2 tại nhà máy thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 25/03/2024 giữa Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Điện 1;

Căn cứ Tình hình thực tế tại Nhà máy thủy điện Hủa Na.

Xét Tờ trình số 28/TTr-TCG ngày 26/03/2024 của Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu và nội dung hợp đồng: Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2 tại Nhà máy thủy điện Hủa Na.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả chỉ định thầu và nội dung hợp đồng Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2 tại Nhà máy thủy điện Hủa Na với các nội dung chính sau:

I. Kết quả chỉ định thầu

- Nhà thầu trúng chỉ định thầu: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Điện 1.

- Địa chỉ: Km 9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 02348 844 270

- Mã số thuế: 0100100953

- Giá đề chỉ định thầu sau thuế GTGT: 799.898.460 đồng.

Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi chín triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng./.

II. Nội dung hợp đồng.

Phê duyệt nội dung hợp đồng gói thầu với một số nội dung chính như sau:

1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

Bên A giao và Bên B đồng ý nhận việc thực hiện công tác Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2 tại Nhà máy thủy điện Hòa Na. Nội dung và khối lượng công việc cần thực hiện cụ thể như sau:

1.1. Nội dung và khối lượng công việc:

Bên B phải thực hiện công tác Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2 tại Nhà máy thủy điện Hòa Na theo đề cương nhiệm vụ được phê duyệt tại Quyết định số 74/QĐ-HHC ngày 19/03/2024 và Phụ lục đính kèm theo Biên bản thương thảo hợp đồng.

1.2. Sản phẩm của công tác tư vấn bao gồm:

- Báo cáo kết quả tư vấn: 06 bộ;
- Bản đồ địa chất công trình khu vực điều tra tỷ lệ 1:2000: 06 bộ;
- Cột địa tầng các lỗ khoan: 06 bộ;
- Tài liệu địa vật lý đã được xử lý, tổng hợp: 06 bộ;
- Các tài liệu khác có liên quan.

2. Giá hợp đồng

2.1. Giá hợp đồng

Giá hợp đồng sau thuế là: 799.898.460 đồng.

Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi chín triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng./.

Trong đó:

+ Giá trị trước thuế: 727.180.418 đồng.

+ Thuế GTGT (10%): 72.718.042 đồng.

Chi tiết như phụ lục kèm theo.

2.2. Nội dung của giá Hợp đồng

Nội dung của giá hợp đồng tư vấn bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện

PH/HC/C/2

hợp đồng: Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng; Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt; Chi phí khảo sát; Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Bên A; Chi phí giám sát tác giả và các chi phí khác có liên quan. Giá hợp đồng đã giảm giá 3% so với giá trị dự toán phê duyệt tại Quyết định số 74/QĐ-HHC ngày 19/03/2024.

3. Tạm ứng và thanh toán:

3.1. Tạm ứng: Bên A, tạm ứng cho Bên B 30% giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền là: 239.969.538 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng*) trong vòng 14 ngày làm việc sau khi Bên A nhận được công văn đề nghị tạm ứng của Bên B (04 bản gốc).

3.2. Thanh toán:

a. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.

b. Đồng tiền thanh toán: Thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam

c. Phương thức và thời gian thanh toán:

Thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành: Bên A thanh toán cho Bên B đến 85% giá trị khối lượng từng đợt được nghiệm thu (bao gồm cả tạm ứng) trong vòng 07 ngày làm việc sau khi Bên A nhận được các hồ sơ, tài liệu bao gồm:

- Đề nghị thanh toán: 02 bản gốc;
- Bảng nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành: 07 bộ gốc;
- Bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành: 07 bộ gốc;
- Hoá đơn thanh toán tương ứng giá trị nghiệm thu hoàn thành.

Thanh toán giá trị thanh lý: Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị hoàn thành trong vòng 30 ngày sau khi bên B hoàn thành công việc của hợp đồng và cung cấp các hồ sơ bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

- Giấy đề nghị thanh toán (2 bản gốc);
- Hóa đơn GTGT theo quy định;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc (7 bộ gốc);
- Biên bản nghiệm thu quyết toán giá trị khối lượng hoàn thành (7 bộ gốc);
- Biên bản thanh lý hợp đồng;
- Các văn bản, tài liệu và hồ sơ, chứng từ khác có liên quan theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, hai bên có thể điều chỉnh số lần thanh toán (kết hợp thanh toán 1 lần cho cả khối lượng hoàn thành của lần 1 và lần 2) cho phù hợp với tình hình thực tế.

4. Thời gian thực hiện Hợp đồng tư vấn

Bên B phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của Hợp đồng trong vòng 90 ngày (bao gồm cả ngày nghỉ, lễ) kể từ ngày có yêu cầu của Bên A.

Các điều, khoản, nội dung khác theo như dự thảo hợp đồng kèm theo Tờ trình của Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu.

Điều 2. Giao cho các Phòng, Phân xưởng, Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu phối hợp với Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Điện 1 triển khai thực hiện nội dung được phê duyệt theo đúng các quy định hiện hành và của Công ty.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng, bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HDQT, BKS (dề b/c);
- Lưu VI, H.S.



GIÁM ĐỐC



Bùi Huy Thành

07
VG
PH
Ý
A
VG

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG
CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA

Gói thầu: Khảo sát, lập phương án xử lý, khắc phục sụt lún khu vực hầm phụ 2

(Kèm theo Quyết định số 85/QĐ-HHC ngày 27/3/2024)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị	Ghi chú
1	Chi phí chuyên gia	14.343.390	Phụ lục 01
2	Chi phí khảo sát	712.837.028	Phụ lục 02
A	Giá trị trước thuế:	727.180.418	
B	Thuế VAT: (10%*A)	72.718.042	
C	Tổng cộng sau thuế: (A+B)	799.898.460	

Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi chín triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng./

PHỤ LỤC I

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA

HẠNG MỤC: KHẢO SÁT, LẬP PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ, KHẮC PHỤC SỤT LÚN KHU VỰC
HÀM PHỤ 2 VÀ THÁP ĐIỀU ÁP

MỤC: CHI PHÍ CHUYÊN GIA

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (đồng)	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)
1	Đánh giá hiện trạng và đề xuất phương án xử lý, khắc phục	Công	4	2.464.500	9.858.000
2	Tổng hợp, hoàn thiện, xuất bản báo cáo hiện trạng, phương án xử lý, khắc phục	Công	2	2.464.500	4.929.000
A	Cộng giá trị trước thuế				14.787.000
B	Giá trị sau giảm giá 3%: (0,97*A)				14.343.390

430

Y
N
E
N
IA
NG

PHỤ LỤC II

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA

**HẠNG MỤC: KHẢO SÁT, LẬP PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ, KHẮC PHỤC SỤT LÚN KHU VỰC HÀM
PHỤ 2 VÀ THÁP ĐIỀU ÁP**

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế sáu giảm giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)
I	Thu thập tài liệu và đo vẽ bản đồ:				
1	Công tác thu thập tài liệu	Công	15	671.086	10.066.290
2	Công tác đo vẽ bản đồ địa chất công trình, bản đồ tỷ lệ 1/2.000, cấp phức tạp III	Ha	10,00	9.161.509	91.615.090
II	Đo địa vật lý:			-	
3	Thăm dò địa vật lý điện bằng phương pháp đo sâu điện đối xứng, cấp địa hình III-IV	Quan sát địa vật lý	32,00	6.140.720	196.503.040
4	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình III	100m	4,00	1.481.971	5.927.884
5	Công tác đo không chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	km	0,500	2.398.676	1.199.338
III	Công tác khoan đất đá (04 lỗ khoan 50m):				
6	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá I - III (đường kính lỗ khoan D110 mm)	m	120,00	1.417.352	170.082.240
7	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá IV-VI (đường kính lỗ khoan D91 mm, không ống chống)	m	60,00	1.721.284	103.277.040
8	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m, cấp đất đá VII-VIII	m	20,00	2.806.124	56.122.480
IV	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT:				
9	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III (2m một thí nghiệm)	Thí nghiệm	30	604.644	18.139.320
10	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá IV-VI (3m một thí nghiệm)	Thí nghiệm	20	851.973	17.039.460
V	Thí nghiệm trong phòng:				
	Thí nghiệm cơ lý mẫu đất:				
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	Chỉ tiêu	14	597.690	8.367.660
12	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm độ hút ẩm	Chỉ tiêu	14	123.590	1.730.260
13	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn	Chỉ tiêu	14	224.029	3.136.406
14	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, thành phần hạt	Chỉ tiêu	14	335.075	4.691.050
15	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, sức chống cắt trên máy cắt phẳng	Chỉ tiêu	14	73.369	1.027.166

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế sáu giảm giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
16	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, tính nén lún trong điều kiện không nở hông	Chỉ tiêu	14	715.252	10.013.528
17	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, khối thể tích (dung trọng)	Chỉ tiêu	14	70.094	981.316
	Thí nghiệm mẫu đá:				
18	Khối lượng riêng của đá - Trạng thái khô gió	Chỉ tiêu	4	320.828	1.283.312
19	Khối lượng riêng của đá - Trạng thái bão hòa	Chỉ tiêu	4	320.828	1.283.312
20	Khối lượng thể tích của đá - Trạng thái khô gió	Chỉ tiêu	4	230.366	921.464
21	Khối lượng thể tích của đá - Trạng thái bão hòa	Chỉ tiêu	4	230.366	921.464
22	Cường độ nén của đá - Trạng thái bão hòa	Chỉ tiêu	4	1.101.923	4.407.692
	Thí nghiệm mẫu thạch học:				
23	Thí nghiệm xác định thành phần vật chất và cấu trúc của đá (Lát mỏng thạch học)	Mẫu	4	1.025.054	4.100.216
A	Cộng giá trị trước thuế				712.837.028